

Số: 11/NQ-HĐND

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2018

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2019; dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 trên địa bàn thành phố Hà Nội thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 7  
(Từ ngày 04/12 đến ngày 06/12/2018)**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Xét Tờ trình số 175/TTr-UBND ngày 16/11/2018 của UBND Thành phố về việc thông qua danh mục các dự án thu hồi đất năm 2019, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Báo cáo thẩm tra số 96/BC-HĐND ngày 29/11/2018 của Ban Kinh tế - Ngân sách; Báo cáo giải trình số 332/BC-UBND ngày 03/12/2018 của UBND Thành phố; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất; danh mục dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng trên địa bàn thành phố Hà Nội năm 2019 như sau:

1. Thông qua danh mục 1.686 dự án thu hồi đất năm 2019 với diện tích là 5.573,52 ha.

2. Thông qua danh mục 308 công trình, dự án chuyển mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019, với diện tích là 518,58 ha.

*(Danh mục chi tiết các công trình, dự án nêu tại khoản 1, khoản 2 tại phụ lục 1A, 1B và phụ lục 2 kèm theo)*

Kinh phí bố trí để bồi thường, giải phóng mặt bằng: Trên cơ sở danh mục dự án được HĐND Thành phố thông qua, các dự án sử dụng vốn ngân sách Thành phố được cân đối trong Nghị quyết về phân bổ dự toán ngân sách Thành phố năm 2019 của HĐND Thành phố. Các dự án sử dụng ngân sách cấp quận, huyện, thị xã do các quận, huyện, thị xã bố trí. Các dự án ngoài ngân sách do chủ đầu tư bố trí theo tiến độ đầu tư, đảm bảo bố trí đủ kinh phí phần GPMB trong năm 2019. UBND Thành phố chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ và căn cứ pháp lý của các dự án trình HĐND Thành phố theo quy định.

**Điều 2:** Giao UBND Thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết

1. Trong quá trình thực hiện, UBND Thành phố tiếp tục rà soát quy mô, diện tích của từng dự án, đánh giá tiến độ triển khai, sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện theo tính cấp thiết của từng dự án, đảm bảo mục tiêu sử dụng đất hiệu quả, tiết kiệm. Sau thu hồi, yêu cầu chủ đầu tư sớm đưa đất vào sử dụng hiệu quả. Kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, vi phạm Luật Đất đai theo quy định.

2. Trường hợp phát sinh yêu cầu sử dụng đất để thực hiện các công trình, dự án quan trọng cấp bách vì lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng mà chưa có trong danh mục được HĐND Thành phố thông qua hoặc trường hợp cần điều chỉnh, giao UBND Thành phố tổng hợp trình HĐND Thành phố tại các kỳ họp trong năm 2019.

3. Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, xây dựng và đất đai để thực hiện các dự án đầu tư trong và ngoài ngân sách trên địa bàn Thành phố theo đúng kế hoạch đề ra.

4. Công khai danh mục các dự án, công trình trong danh mục thu hồi đất; chuyển mục đích sử dụng đất lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng năm 2019 trên Cổng thông tin điện tử Thành phố, trụ sở làm việc của UBND các xã, phường, thị trấn có dự án để nhân dân theo dõi, giám sát theo quy định.

5. Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền, công khai, minh bạch để tạo sự đồng thuận của người dân, đặc biệt đối với những vùng bị thu hồi đất; tuân thủ đúng quy trình, quy định pháp lý trong tổ chức thực hiện thu hồi đất. Thực hiện đúng quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân bị thu hồi đất, đảm bảo người dân có cuộc sống tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ. Kịp thời đối thoại, giải quyết những vướng mắc ngay từ cơ sở.

### **Điều 3:** Điều khoản thi hành

1. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát thực hiện Nghị quyết.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam thành phố Hà Nội tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội khóa XV, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 04/12/2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019. / *g*

#### **Nơi nhận:** *g*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban công tác đại biểu thuộc UBTV Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: TNMT, Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn ĐB Quốc hội thành phố Hà Nội;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQ Thành phố;
- Đại biểu HĐND Thành phố;
- Các ban Đảng TU; VPTU;
- VP HĐND TP, VP UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- TT HĐND, UBND quận, huyện, thị xã;
- Công báo TP Hà Nội;
- Lưu: VT, TH. *g*



**CHỦ TỊCH** *km*

**Nguyễn Thị Bích Ngọc**





**TỔNG HỢP CÁC DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG  
ĐẤT TRỒNG LÚA, RỪNG NĂM 2019**

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 04/12/2018 của HĐND Thành phố)

STT	Quận, huyện	Thu hồi đất		Chuyển mục đích đất lúa, rừng phòng hộ, rừng đặc dụng	
		Số dự án	Diện tích (ha)	Số dự án	Diện tích (ha)
1	Ba Đình	8	2,41	0	0
2	Ba Vì	21	331,65	9	32,36
3	Bắc Từ Liêm	114	271,95	2	0,34
4	Cầu Giấy	25	8,11	0	0
5	Chương Mỹ	35	76,64	17	36
6	Đan Phượng	54	155,50	17	19,37
7	Đông Anh	114	1230,68	28	66,00
8	Đống Đa	35	37,20	0	0
9	Gia Lâm	41	338,70	6	6,54
10	Hà Đông	64	141,90	15	5,93
11	Hai Bà Trưng	40	30,15	0	0
12	Hoài Đức	113	254,52	47	63,99
13	Hoàn Kiếm	13	2,31	0	0
14	Hoàng Mai	75	227,52	0	0
15	Long Biên	104	214,22	0	0
16	Mê Linh	73	203,23	13	26,12
17	Mỹ Đức	37	39,15	8	8,39
18	Nam Từ Liêm	83	270,61	6	7,56
19	Phú Xuyên	38	190,99	4	16,88
20	Phúc Thọ	66	66,71	13	7,49
21	Quốc Oai	68	193,90	8	7,02
22	Sóc Sơn	54	136,04	7	19,28
23	Sơn Tây	43	112,92	3	8,48
24	Tây Hồ	59	177,65	0	0
25	Thạch Thất	75	126,10	28	31,75
26	Thanh Oai	52	114,81	16	40,27
27	Thanh Trì	64	248,13	19	46,42
28	Thanh Xuân	24	39,92	0	0
29	Thường Tín	36	94,42	26	51,44
30	Ứng Hòa	58	235,49	16	16,68
<b>Tổng</b>		<b>1686</b>	<b>5573,52</b>	<b>308</b>	<b>518,58</b>

